

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

Số: 64/2019/QĐST-DS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Trà Ôn, ngày 10 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 02/7/2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 120/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng thương mại Cổ phần S**

Địa chỉ: đường N, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại hợp pháp: ông Trần P. Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Vĩnh Long.

Địa chỉ: đường A phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 16/5/2019).

- *Bị đơn:* 1/ Ông **Trần Anh K**, sinh năm 1957.

2/ Bà **Lưu Thị Bé B**, sinh năm 1963

Địa chỉ: ấp L, xã L1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bị đơn ông Trần Anh K và bà Lưu Thị Bé B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại Cổ phần S - Chi nhánh Vĩnh Long số tiền vốn 498.192.979đ (*Bốn trăm chín mươi tám triệu một trăm chín mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi chín đồng*), lãi tính đến ngày 02/7/2019 là 36.076.409đ (*Ba mươi sáu triệu*

không trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm lẻ chín đồng), tổng cộng vốn lãi 534.269.388đ (*Năm trăm ba mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm tám mươi tám đồng*) và tiếp tục trả lãi phát sinh theo Hợp đồng vay số LD1714500xxx, giấy nhận nợ LD1814100xxx; Hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD1827000xxx và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/11/2018 cho đến khi trả hết nợ.

Nếu ông K, bà Bé B không trả hoặc trả không hết số tiền trên thì ông K, bà Bé B giao tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất các thửa AAA tờ bản đồ số 10 diện tích 155,3m² loại đất trồng cây lâu năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất CD271xxx (vào sổ cấp GCN số CS08xxx) do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 18/10/2016; thửa BBB tờ bản đồ số 10 diện tích 1.611,7m² loại đất ở và cây lâu năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất CD271xxx (vào sổ cấp GCN số CS08xxx) do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 18/10/2016; thửa CC, tờ bản đồ số 10 diện tích 4.635,5m² loại đất cây trồng lâu năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất CD271xxx (vào sổ cấp GCN số CS08xxx) do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 18/10/2016 cùng tọa lạc ấp L, xã L1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do ông Trần Anh K và bà Lưu Thị Bé B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1714500xxx ngày 25/5/2017 cho cơ quan thi hành án bán đấu giá để thu hồi nợ.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Anh K và bà Lưu Thị Bé B tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền 12.685.387đ (*Mười hai triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm tám mươi bảy đồng*) nhưng ông K có đơn xin miễn án phí do thuộc diện người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nên được miễn phần án phí mà ông K có nghĩa vụ nộp là 3.171.346đ (*Ba triệu một trăm bảy mươi một nghìn ba trăm bốn mươi sáu đồng*). Còn lại ông K, bà Bé B có nghĩa vụ nộp 9.514.041đ (*Chín triệu năm trăm mười bốn nghìn không trăm bốn mươi một đồng*).

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần S do ông Trần P đại diện số tiền 12.445.500đ (*Mười hai triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0015395 ngày 31 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga